

ĐỀ SỐ 8
(Đề thi có 04 trang)

KỶ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2025

MÔN: TIẾNG ANH

Thời gian làm bài 50 phút, không kể thời gian phát đề

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 6.

DISCOVER THE NEWEST 3D PRINTER PROTOTYPE!

Our new 3D printer is the ultimate tool for creativity and innovation. This (1) _____ machine allows you to design and create anything you imagine, from toys and tools to unique decorations. It works quickly, (2) _____ objects layer by layer with precision and ease. Perfect for beginners and professionals alike, the 3D printer is simple to use and saves both time and money. Instead of buying new items, you can repair or recreate things, making it (3) _____. Schools, businesses, and homes can all benefit (4) _____ this amazing technology. Whether you're a student working on a project, a teacher creating educational models, or a hobbyist (5) _____ up with new ideas, this printer is made for you. To help you get started, we include free materials with every purchase. Don't wait (6) _____ the future of technology—order your 3D printer today and let your imagination become reality!



(Adapted from <https://www.netflix.com>)

Question 1: A. advancing B. advanced C. advancedly D. advancingly

Cần tính từ để bổ nghĩa cho danh từ "machine":

→ Tính từ của từ "advance" là "advanced", nghĩa là tiên bộ, cao cấp, nâng cao ...

Question 2: A. which build B. built C. builds D. building

Mệnh đề quan hệ lược bỏ dạng chủ động.

Question 3: A. an friendly-eco choice B. choice an eco-friendly
C. eco-friendly an choice D. an eco-friendly choice

an (mạo từ) + eco-friendly (tính từ) + choice (danh từ)

Question 4: A. with B. from C. after D. about

Cụm từ "benefit from" mang nghĩa "hưởng lợi từ."

Question 5: A. bringing B. taking C. coming D. getting

"coming up with ideas" nghĩa là "nghĩ ra ý tưởng."

Question 6: A. to experience B. experiencing C. to experiencing D. experience

cấu trúc "wait to do something"

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 7 to 12.

Volunteer to Clean the Local Park!

Make Your Community Beautiful and Green!

Our park is a place for everyone to enjoy, but it needs care and love to stay clean and beautiful. By volunteering to clean the park, you can help the environment and make your (7) _____ a better place. Your time, energy, and effort can create a safe and welcoming (8) _____ for all.

☀ **What You Can Expect as a Volunteer:**

❤ **Feel Good While Helping:**

• Meet new people – Work with (9) _____ who also care about the community and make new friends.

• Make a difference – See the (10) _____ of your hard work and enjoy the beautiful park you helped improve.

☀ **Be Proud of Your Work:**

• Help the planet – Cleaning the park reduces waste and protects animals.

• A chance for everyone – Whether you are young, old, or in between, there's a way for you to (11) _____!

📅 **Ready to Join Us?**

Visit cleanourpark.org or call us at +0123456789 to sign up for this fun and meaningful event. (12) _____, we can make a change!

(Adapted from <https://students.lfbusa.com>)

Question 7: A. accommodation B. neighborhood C. dissertation D. likelihood

Dịch: "Bằng cách tham gia tình nguyện dọn dẹp công viên, bạn có thể giúp bảo vệ môi trường và làm cho (7) _____ của bạn trở thành một nơi tốt đẹp hơn."

- **A. accommodation (chỗ ở):** không phù hợp vì ngữ cảnh không nói về chỗ ở.
- **B. neighborhood (khu phố):** phù hợp vì đây là ngữ cảnh về việc cải thiện khu vực sống của cộng đồng.
- **C. dissertation (luận văn):** không liên quan đến ngữ cảnh.
- **D. likelihood (khả năng):** không phù hợp vì không diễn tả địa điểm hay cộng đồng

Question 8: A. seat B. place C. room D. space

seat /si:t/ (n)	khoảng không gian mà bạn có thể ngồi, ví dụ như ghế, chỗ ngồi (danh từ đếm được)	<i>He was in the back seat of the car when the accident happened.</i>
room /rom/ (n)	không gian trống có thể được sử dụng cho một mục đích cụ thể, với nghĩa này thì "room" (danh từ không đếm được)	<i>How can we make room for all the furniture?</i>
place /pleis/ (n)	- một vị trí, tòa nhà, thị trấn, khu vực, chỗ, nơi, địa điểm v.v. là danh từ đếm được - vị trí, chỗ ngồi, v.v., đặc biệt là vị trí có sẵn hoặc được sử dụng bởi một người hoặc phương tiện (danh từ đếm được)	- <i>This would be a good place for a picnic.</i> - <i>I don't want to lose my place in the line.</i>
space /speis/ (n)	không gian, khoảng trống, khoảng không, một khu vực trống có sẵn để sử dụng, danh từ đếm được	<i>He parked in a space reserved for the disabled.</i>

Question 9: A. others B. the others C. other D. the other

Other Cách dùng: "Other" được dùng như một tính từ, nghĩa là "khác". Vị trí: Đứng trước danh từ đếm được số nhiều hoặc danh từ không đếm được.	Others Cách dùng: "Others" là đại từ, nghĩa là "những cái khác" hoặc "những người khác", khi ta không cần nhắc lại danh từ phía sau. Vị trí: Đứng một mình mà không đi kèm với danh từ.
The other Cách dùng: "the other" là một tính từ, nghĩa là "cái còn lại" Vị trí: <u>Đứng trước danh từ số nhiều</u>	The others Cách dùng: "The others" là một đại từ, nghĩa là "những cái còn lại" hoặc "những người còn lại" khi muốn nói đến những cái/người đã được xác định trước. Vị trí: Đứng một mình mà không đi kèm với danh từ.

→ **others (những người khác):** phù hợp vì nói về những tình nguyện viên khác.

Question 10: A. number B. amount C. result D. quantity

- ☐ **A. number (số lượng - đếm được):** không phù hợp vì bài đang không nói về số lượng cụ thể.
- ☐ **B. amount (lượng - không đếm được):** không phù hợp tương tự câu A
- ☐ **C. result (kết quả):** phù hợp nhất vì diễn tả thành quả của công việc.
- ☐ **D. quantity (số lượng - đếm được):** không phù hợp với ngữ cảnh.

Question 11: A. take off B. buy on C. set up D. pitch in

- ☐ **A. take off (cất cánh):** không phù hợp với ngữ cảnh.
- ☐ **B. buy on (mua tiếp):** không phù hợp với ngữ cảnh.
- ☐ **C. set up (thiết lập):** không phù hợp với ngữ cảnh.
- ☐ **D. pitch in (góp sức):** phù hợp vì diễn tả hành động tham gia giúp đỡ.

Question 12: A. Basically B. Hopefully C. Luckily D. Together

Dịch: "(12) _____, chúng ta có thể tạo ra sự thay đổi!"

- **A. Basically (cơ bản):** không phù hợp với ngữ cảnh.
- **B. Hopefully (hy vọng):** không phù hợp với ngữ cảnh.
- **C. Luckily (may mắn):** không phù hợp với ngữ cảnh.
- **D. Together (cùng nhau):** phù hợp vì nhấn mạnh tinh thần đoàn kết.

Dịch câu: "Cùng nhau, chúng ta có thể tạo ra sự thay đổi!"

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best arrangement of utterances or sentences to make a meaningful exchange or text in each of the following questions from 13 to 17.

Question 13: a. Minh Phat: I think history is fascinating, especially ancient civilizations like Egypt.

b. Minh Phat: Do you enjoy learning about history?

c. Minh Nhi: Yes, I love it! It helps me understand how the world has changed. What about you?

A. c – b – a B. a – b – c C. c – a – b D. b – c – a

b. Minh Phát: Cậu có thích học lịch sử không?

c. Minh Nhi: Có chứ! Tôi yêu lịch sử! Nó giúp tôi hiểu được thế giới đã thay đổi ra sao. Còn cậu thì sao?

a. Minh Phát: Tôi nghĩ lịch sử rất thú vị, đặc biệt là các nền văn minh cổ đại như Ai Cập.

Question 14: a. Peter: A budget sounds like a good idea. Maybe I should try that too.

b. Peter: I save too, but sometimes it's hard when I have many bills.

c. Peter: Do you save money every month?

d. Pete: Yes, I try to save a little. It's important to plan for the future. What about you?

e. Pete: That's true. I keep a budget to help me spend wisely.

A. c – b – d – a – e B. c – d – b – e – a C. b – d – e – a – c D. b – c – d – e – a

c. Peter: Cậu có tiết kiệm tiền mỗi tháng không?

d. Pete: Có chứ, tôi cố gắng tiết kiệm một ít. Lập kế hoạch cho tương lai rất quan trọng. Còn cậu thì sao?

b. Peter: Tôi cũng tiết kiệm, nhưng đôi khi rất khó vì tôi có nhiều hóa đơn phải trả.

e. Pete: Đúng vậy. Tôi lập ngân sách để chi tiêu hợp lý.

a. Peter: Việc lập ngân sách nghe có vẻ hay đấy. Có lẽ tôi cũng nên thử.

Question 15: What's up Lily?

I hope you're doing well!

a. Do you have a favorite singer or band? Maybe we can share playlists with each other!

b. I really enjoy pop music, especially songs by Bruno Mars. They always make me feel happy.

c. I wanted to ask you about your favorite music. What kind of songs do you like to listen to?

d. Besides Bruno, I also like listening to Lofi music when I'm studying.

e. Let me know your favorites.

Take soon!

Sandra

A. c – b – d – a – e

B. c – d – b – e – a

C. c – b – a – d – e

D. e – b – d – c – e

c. Mình muốn hỏi cậu về loại nhạc yêu thích. Cậu thích nghe loại bài hát nào?

b. Mình rất thích nhạc pop, đặc biệt là các bài hát của Bruno Mars. Chúng luôn làm mình cảm thấy vui vẻ.

d. Bên cạnh Bruno, mình cũng thích nghe nhạc Lofi khi đang học bài.

a. Cậu có ca sĩ hoặc ban nhạc yêu thích không? Có thể chúng ta sẽ chia sẻ danh sách phát với nhau!

e. Hãy cho mình biết sở thích của cậu nhé.

Question 16: a. Albert Einstein is one of the most famous scientists in the world

b. Einstein's work is still very important today, and people admire him for his brilliant mind.

c. He was born in Germany in 1879 and loved math and science from a young age

d. He also won the Nobel Prize for Physics in 1921 for his work on light.

e. Einstein is best known for his theory of relativity, which changed how people understand time and space.

A. a – e – c – b – d

B. e – b – d – b – a

C. a – c – e – d – b

D. e – b – d – c – a

a. Albert Einstein là một trong những nhà khoa học nổi tiếng nhất thế giới.

c. Ông sinh ra ở Đức vào năm 1879 và đã yêu thích toán học và khoa học từ nhỏ.

e. Einstein nổi tiếng nhất với thuyết tương đối, thuyết đã thay đổi cách con người hiểu về thời gian và không gian.

d. Ông cũng giành giải Nobel Vật lý vào năm 1921 nhờ công trình nghiên cứu về ánh sáng.

b. Những công trình của Einstein vẫn rất quan trọng cho đến ngày nay, và mọi người ngưỡng mộ ông vì trí tuệ xuất chúng.

Question 17: a. Online news provides many benefits for adults, making it an important part of their daily lives.

b. It allows them to stay updated on current events quickly, as they can access the latest information anytime on their phones or computers.

c. Another advantage is that adults can easily choose articles on topics that interest them, such as health, business, or sports, without having to search through a whole newspaper.

d. This convenience and variety make online news a popular and efficient way for adults to learn and stay connected to the world.

e. Unlike printed newspapers, online news is often free or much cheaper, which helps adults save money while staying informed.

A. a – c – b – e – d

B. e – a – c – b – d

C. e – b – a – d – c

D. a – b – e – c – d

a. Tin tức trực tuyến mang lại nhiều lợi ích cho người lớn, khiến nó trở thành một phần quan trọng trong cuộc sống hàng ngày của họ.

b. Nó cho phép họ cập nhật sự kiện hiện tại một cách nhanh chóng, vì họ có thể truy cập thông tin mới nhất mọi lúc trên điện thoại hoặc máy tính.

e. Không giống như báo in, tin tức trực tuyến thường miễn phí hoặc rẻ hơn rất nhiều, giúp người lớn tiết kiệm tiền mà vẫn được cập nhật thông tin.

c. Một lợi ích khác là người lớn có thể dễ dàng chọn các bài báo về những chủ đề họ quan tâm, như sức khỏe, kinh doanh hoặc thể thao, mà không cần phải tìm kiếm cả tờ báo.

d. Sự tiện lợi và đa dạng này khiến tin tức trực tuyến trở thành một cách phổ biến và hiệu quả để người lớn học hỏi và kết nối với thế giới.

Read the following passage about humanoid robots and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 22.

Son Tùng M-TP's live show "Sky Tour 2019" was a groundbreaking event in Vietnamese music, showcasing the singer's talent and influence. The tour spanned three major cities—Ho Chi Minh City, Da Nang, and Hanoi—and attracted thousands of fans, (18)_____

One of the most striking aspects of the concert was Son Tùng's ability to combine music, visuals, and storytelling into an unforgettable experience. He performed some of his biggest hits, including Hỡi Trai Cho Anh, Chạy Ngay Đi, and Lạc Trôi. (19)_____, featuring elaborate stage designs, dazzling light shows, and choreography that matched the energy of each song.

Another highlight of the tour was Son Tùng's interaction with his fans, known as Sky. Throughout the show, (20)_____, a message that resonated deeply with the audience. His personal anecdotes and genuine connection with fans made the concert feel more intimate, despite the large venues.

The tour's production quality was another key factor in its success. The use of advanced sound systems, creative stage effects, and a well-curated setlist demonstrated a high level of professionalism. (21)_____, particularly in Hỡi Trai Cho Anh, elevated the show to an international standard.

In conclusion, "Sky Tour 2019" was more than just a series of concerts; (22)_____. The tour not only solidified his position as a top artist in Vietnam but also paved the way for Vietnamese music to gain more recognition worldwide.

(Adapted from <https://hanoionline.vn>)

- Question 18:** A. that reflects his vast popularity and the rising global recognition of Vietnamese pop music (V-pop).
B. which illustrate his prominent success and the spreading global appreciation for Vietnamese pop (V-pop).
C. demonstrating his immense popularity and the growing global appeal of Vietnamese pop (V-pop).
D. in which showcasing his widespread fame and the increasing international allure of Vietnamese pop music (V-pop).

- A. phản ánh sự nổi tiếng rộng rãi của anh ấy và sự công nhận ngày càng tăng trên toàn cầu đối với nhạc pop Việt Nam (V-pop).
B. minh họa cho thành công nổi bật của anh ấy và sự đánh giá cao đang lan rộng trên toàn cầu đối với nhạc pop Việt Nam (V-pop).
C. chứng minh sự nổi tiếng to lớn của anh ấy và sức hấp dẫn ngày càng tăng trên toàn cầu của nhạc pop Việt Nam (V-pop).
D. trong đó thể hiện sự nổi tiếng rộng rãi của anh ấy và sức hấp dẫn ngày càng tăng trên toàn cầu của nhạc pop Việt Nam (V-pop).

- ☐ A: Cụm "that reflects" không thể đặt vào đây, vì "that" không thể thay cho cả mệnh đề trước dấu phẩy.
☐ B: "which illustrate" gần như phù hợp, nhưng động từ sau "which" phải thêm "s" vào mới đúng.
☐ D: Cụm "in which showcasing" sai ngữ pháp vì thiếu động từ chính cho mệnh đề phụ.

- Question 19:** A. These performances were not only vocally impressive but also visually dynamic.
B. Whose performances combined remarkable singing with visually striking elements.
C. Of which acts showcased exceptional vocal talent alongside visually vibrant displays.
D. Between the vocal excellence and visual appeal of these performances were noteworthy.

- A. Những màn trình diễn này không chỉ ấn tượng về giọng hát mà còn sống động về mặt thị giác.
B. Những màn trình diễn kết hợp giọng hát đáng chú ý với các yếu tố thị giác nổi bật.
C. Trong số những tiết mục nào thể hiện tài năng thanh nhạc đặc biệt cùng với màn trình diễn sống động về mặt thị giác.
D. Sự xuất sắc trong giọng hát và sức hấp dẫn về mặt thị giác của những màn trình diễn này thật đáng chú ý.
Câu cần một mệnh đề độc lập → chỉ có đáp án A phù hợp về cả ngữ pháp lẫn ngữ nghĩa.

B: "*Whose performances*" là mệnh đề quan hệ, nhưng không có danh từ trước đó để thay thế, gây sai ngữ pháp.

- **C:** "*Of which acts*" cũng yêu cầu danh từ trước đó để làm chủ ngữ cho cụm quan hệ.
- **D:** "*Between the vocal excellence...*" sai ngữ pháp vì cụm này không thể làm chủ ngữ.

Question 20: **A.** to express his appreciation for their constant encouragement, he urged them to chase their aspirations.
B. showing heartfelt thanks for his consistent backing, the fans encouraged him to aim for his dreams.
C. the fans acknowledged his unwavering support with gratitude and encouraged him to follow his ambitions.
D. he expressed his gratitude for their unwavering support and encouraged them to follow their dreams

- A. để bày tỏ lòng biết ơn của mình đối với sự động viên liên tục của họ, anh ấy đã thúc giục buộc họ theo đuổi khát vọng của mình.
B. thể hiện lòng biết ơn chân thành đối với sự ủng hộ liên tục của anh ấy, người hâm mộ đã khuyến khích anh ấy theo đuổi ước mơ của mình.
C. người hâm mộ đã ghi nhận sự ủng hộ không ngừng nghỉ của anh ấy với lòng biết ơn và khuyến khích anh ấy theo đuổi hoài bão của mình.
D. anh ấy đã bày tỏ lòng biết ơn đối với sự ủng hộ không ngừng nghỉ của họ và khuyến khích họ theo đuổi ước mơ của mình
- ☐ **A:** Câu này không phù hợp về nghĩa.
☐ **B:** Ý nghĩa bị đảo ngược: câu này nói rằng người hâm mộ khuyến khích Sơn Tùng, không đúng với đoạn văn.
☐ **C:** Tương tự B, câu này diễn đạt sai mối quan hệ giữa Sơn Tùng và người hâm mộ.

Question 21: **A.** In contrast, engaging with international artists and production teams
B. Furthermore, the collaboration with international artists and producers
C. Nevertheless, collaborating with international creatives and producers
D. Conversely, establishing collaborations with global producers and artists

- A. Ngược lại, hợp tác với các nghệ sĩ và nhóm sản xuất quốc tế
B. Hơn nữa, hợp tác với các nghệ sĩ và nhà sản xuất quốc tế
C. Tuy nhiên, hợp tác với các nhà sáng tạo và nhà sản xuất quốc tế
D. Ngược lại, thiết lập hợp tác với các nhà sản xuất và nghệ sĩ toàn cầu
- Từ nói "*Furthermore*" thể hiện ý bổ sung, rất phù hợp với ngữ cảnh nói về sự chuyên nghiệp và chất lượng sản xuất của tour.
- ☐ **A:** "*In contrast*" mang nghĩa tương phản, không phù hợp ngữ cảnh.
☐ **C:** "*Nevertheless*" mang nghĩa đối lập nhẹ, không phù hợp khi nội dung đang bổ sung ý.
☐ **D:** "*Conversely*" không hợp lý vì đoạn văn không có ý so sánh ngược.

Question 22: **A.** it was a pivotal development in modern entertainment that sparked discussions about the future of musical innovation.
B. it was a significant moment in entertainment history that brought attention to how music shapes cultural identities.
C. it was a cultural phenomenon that highlighted Sơn Tùng M-TP's role as a trailblazer in V-pop
D. it was a widely discussed trend that underscored the growing influence of V-pop in the global music scene.

A. đó là một bước phát triển then chốt trong ngành giải trí hiện đại đã làm dấy lên các cuộc thảo luận về tương lai của sự đổi mới âm nhạc.

B. đó là một khoảnh khắc quan trọng trong lịch sử giải trí đã thu hút sự chú ý đến cách âm nhạc định hình bản sắc văn hóa.

C. đó là một hiện tượng văn hóa làm nổi bật vai trò của Sơn Tùng M-TP như một người tiên phong trong V-pop

D. đó là một xu hướng được thảo luận rộng rãi đã nhấn mạnh đến ảnh hưởng ngày càng tăng của V-pop trong bối cảnh âm nhạc toàn cầu.

Cụm *"a cultural phenomenon that highlighted Sơn Tùng M-TP's role as a trailblazer in V-pop"* nhấn mạnh vị trí tiên phong của Sơn Tùng trong nền âm nhạc V-pop, phù hợp với ý đoạn văn.

☐ A: Tập trung vào *"musical innovation"*, không phù hợp với chủ đề đoạn văn.

☐ B: Ý nói về *"cultural identities"* khá xa rời nội dung đoạn văn.

☐ D: *"a widely discussed trend"* không đủ nhấn mạnh vai trò của Sơn Tùng như một người tiên phong.

→ Câu này dựa vào nghĩa là chủ yếu. A B D không hợp nghĩa.

Read the following passage about coffee and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 23 to 30.

The Money Flow Index (MFI) is a financial tool that helps traders and investors analyze the movement of money into and out of an asset. **It is used to identify whether an asset is overbought or oversold, which can signal potential price changes.** The MFI provides a reading between 0 and 100, with values above 80 indicating an overbought condition and values below 20 suggesting the asset is oversold. These thresholds help traders predict when the price of an asset might reverse its current trend. The MFI is particularly valuable because it combines price data with trading volume, offering insights into both market trends and momentum.

One key feature of the MFI is its use of **divergences** to predict price movements. A divergence occurs when the MFI moves in the opposite direction of an asset's price. For example, if the MFI is increasing while the price is flat or declining, it may indicate growing buying pressure and a potential price increase. Similarly, if the MFI is falling while the price remains stable or rises, this could signal upcoming selling pressure. These divergences are often early warnings of trend reversals, making the MFI a useful tool for identifying opportunities or risks in the market.

The calculation of the MFI involves several steps. First, the typical price of an asset is calculated as the average of its high, low, and close prices. This value is then multiplied by the trading volume to find the raw money flow for each period. Next, positive and negative money flows over a 14-period timeframe are summed and compared to form a money flow ratio. Finally, this ratio is scaled to create the MFI value. The use of both price and volume data in the calculation makes the MFI a comprehensive measure of market activity.

Despite its strengths, the MFI is not without limitations. **It** is best used in combination with other tools and indicators to confirm market signals. For instance, traders often pair the MFI with trend analysis or other oscillators like the Relative Strength Index (RSI) for a broader understanding of market conditions. Additionally, the MFI may be less effective in markets with low trading volumes, as it relies heavily on accurate volume data. Nonetheless, the MFI remains a popular tool among traders and analysts for its ability to provide actionable insights into market trends and **momentum**.

(Adapted from <https://www.investopedia.com>)

Question 23: Which of the following is NOT a feature of the Money Flow Index (MFI)?

A. It uses price data.

B. It includes trading volume.

C. It predicts exact price levels.

D. It signals potential price changes.

Đoạn đầu tiên nói rằng MFI *"is used to identify whether an asset is overbought or oversold, which can signal potential price changes."* (được sử dụng để xác định xem tài sản bị mua quá mức hay bán quá mức, điều này có thể

báo hiệu sự thay đổi giá). Tuy nhiên, không có thông tin nào trong bài cho thấy MFI dự đoán chính xác mức giá. Các đặc điểm còn lại như sử dụng dữ liệu giá (price data) và khối lượng giao dịch (trading volume) đều được nhắc đến.

Question 24: The word **divergence** in paragraph 2 is OPPOSITE in meaning to _____.

- A.** similarity **B.** separation **C.** difference **D.** deviation

Từ "divergence" nghĩa là sự khác biệt, trái ngược với "similarity" (sự tương đồng).

Question 25: The word **It** in paragraph 4 refers to _____.

- A.** strength **B.** limitation **C.** combination **D.** the MFI

Trong đoạn 4, "*It is best used in combination with other tools and indicators to confirm market signals.*" Từ "it" rõ ràng thay thế cho cụm "the MFI," vì câu trước đó mô tả cách MFI hoạt động.

Question 26: The word **momentum** in paragraph 4 could best be replaced by _____.

- A.** movement **B.** strength **C.** importance **D.** hesitation

"Momentum" (quán tính) có thể thay thế bằng "movement" (sự di chuyển), vì cả hai đều chỉ sự thay đổi theo hướng nào đó.

Question 27: Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 1?

- A.** It is used to track how many people are interested in learning about the asset's history, showing the popularity of the trend.
B. It is used to measure the amount of time an asset has been available on the market, representing the market's tendency.
C. It is used to check if an asset's price is too high or too low, which might show that the price could change soon.
D. It is used to determine how often an asset changes hands, which can signal the popularity of the asset.

It is used to identify whether an asset is overbought or oversold, which can signal potential price changes

(Nó được sử dụng để xác định xem một tài sản có bị mua quá mức hay bán quá mức hay không, điều này có thể báo hiệu những thay đổi giá tiềm ẩn)

- A.** Được sử dụng để theo dõi số lượng người quan tâm đến việc tìm hiểu về lịch sử của tài sản, cho thấy mức độ phổ biến của xu hướng.
B. Được sử dụng để đo lường thời gian một tài sản đã có trên thị trường, thể hiện xu hướng của thị trường.
C. Được sử dụng để kiểm tra xem giá của một tài sản có quá cao hay quá thấp không, điều này có thể cho thấy giá có thể thay đổi sớm.
D. Được sử dụng để xác định tần suất một tài sản đổi chủ, điều này có thể báo hiệu mức độ phổ biến của tài sản.

Question 28: Which of the following is TRUE according to the passage?

- A.** The MFI considers both price and volume.
B. The MFI works without any volume data.
C. The MFI only measures oversold conditions.
D. The MFI is identical to the Relative Strength Index.

Theo đoạn văn, câu nào sau đây là ĐÚNG?

- A.** MFI xem xét cả giá và khối lượng.
B. MFI hoạt động mà không cần bất kỳ dữ liệu khối lượng nào.
C. MFI chỉ đo lường các điều kiện bán quá mức.
D. MFI giống hệt với Chỉ số sức mạnh tương đối.

A. The MFI considers both price and volume.

Giải thích: Đoạn 1 nêu rõ: "The MFI is particularly valuable because it combines price data with trading volume." Đáp án A là đúng vì MFI sử dụng cả dữ liệu giá và khối lượng giao dịch.

Question 29: In which part of the text does the author explain how the MFI is calculated?

- A. Paragraph 1 B. Paragraph 2 C. Paragraph 3 D. Paragraph 4

Đoạn 3 miêu tả chi tiết cách tính toán MFI, bắt đầu từ giá điển hình (typical price), khối lượng giao dịch (trading volume), và các bước tính toán dòng tiền.

Question 30: In which part of the text does the author mention how divergences are used to predict trends?

- A. Paragraph 1 B. Paragraph 2 C. Paragraph 3 D. Paragraph 4

Đoạn 2 nói về cách divergences (sự phân kỳ) dự đoán xu hướng giá: "These divergences are often early warnings of trend reversals."

Read the following passage about powering and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best answer to each of the following questions from 31 to 40.

PLASTITAR: A NEW ENVIRONMENTAL CHALLENGE

Plastitar, a newly identified form of pollution, has been discovered on beaches in the Canary Islands. This harmful substance is a combination of tar from oil spills and tiny plastic fragments. It appears as **sticky black patches** on coastal rocks, creating a significant challenge for cleanup efforts. Unlike typical waste, plastitar forms a tough layer that resists removal, making **it** a **persistent** environmental threat.

This pollution has severe effects on marine life. The tar contains toxic chemicals that can poison organisms, while the microplastics can be mistakenly consumed by marine animals. This toxic mix harms ecosystems and poses risks to human health through the food chain. Researchers worry that plastitar will spread to other coastal areas, especially those already burdened by oil and plastic pollution. Its potential to infiltrate distant environments highlights the urgency of addressing this issue.

Efforts to tackle plastitar focus on prevention and innovation [I]. Governments and organizations are developing biodegradable materials to replace traditional plastics [II]. Such alternatives can reduce the amount of plastic waste entering oceans [III]. Education campaigns also play a key role, helping people understand the importance of recycling and reducing single-use plastics [IV]. Meanwhile, local cleanup initiatives aim to mitigate damage in affected areas.

The rise of plastitar underscores the need for global action. It demonstrates how human activities contribute to complex pollution problems that harm our planet. Addressing these issues requires collaboration, innovation, and personal responsibility. **Simple changes, such as supporting eco-friendly products and reducing plastic use, can make a significant difference in protecting marine ecosystems and ensuring a healthier future.**

(Adapted from <https://www.weforum.org>)

Question 31: The phrase "**sticky black patches**" in paragraph 1 could best be replaced by _____.

- A. smooth surfaces B. harmful substances
C. colorful materials D. natural elements

Cụm từ "sticky black patches" được miêu tả trong đoạn 1 như là một dạng ô nhiễm gây hại, kết hợp giữa nhựa từ các vụ tràn dầu và các mảnh nhựa nhỏ. Chúng là những chất độc hại, vì vậy "harmful substances" là sự thay thế hợp lý nhất.

Question 32: The word "**it**" in paragraph 1 refers to _____.

- A. plastitar B. layer C. waste D. threat

Đại từ "it" trong câu "Unlike typical waste, plastitar forms a tough layer that resists removal" đề cập đến plastitar (được nhắc đến trước đó trong câu).

Question 33: The word "**persistent**" in paragraph 1 is OPPOSITE in meaning to _____.

- A. temporary B. durable C. continuous D. unending

Từ "persistent" nghĩa là dai dẳng, liên tục. Từ trái nghĩa với nó là "temporary" (tạm thời), có nghĩa là chỉ xảy ra trong một khoảng thời gian ngắn.

Question 34: Where in paragraph 3 does the following sentence best fit?

“These materials are designed to break down naturally, minimizing their environmental impact.”

A. [I]

B. [II]

C. [III]

D. [IV]

Nỗ lực giải quyết vấn đề nhựa tập trung vào phòng ngừa và đổi mới [I]. Các chính phủ và tổ chức đang phát triển các vật liệu phân hủy sinh học để thay thế nhựa truyền thống [II]. Các giải pháp thay thế như vậy có thể làm giảm lượng rác thải nhựa đổ ra đại dương [III]. Các chiến dịch giáo dục cũng đóng vai trò quan trọng, giúp mọi người hiểu được tầm quan trọng của việc tái chế và giảm thiểu nhựa dùng một lần [IV]. Trong khi đó, các sáng kiến dọn dẹp tại địa phương nhằm mục đích giảm thiểu thiệt hại ở các khu vực bị ảnh hưởng.

“These materials are designed to break down naturally, minimizing their environmental impact.”

(“Những vật liệu này được thiết kế để phân hủy tự nhiên, giảm thiểu tác động đến môi trường.”)

Lý do không thể đặt ở vị trí khác:

- Nếu đặt vào [I], câu sẽ không liên quan vì chưa giới thiệu về vật liệu phân hủy sinh học.
- Nếu đặt vào [III], câu sẽ lặp ý và không liên kết trực tiếp với vai trò của vật liệu.
- Nếu đặt vào [IV], câu không phù hợp vì [IV] nói về chiến dịch giáo dục, không liên quan đến đặc tính của vật liệu.

Question 35: Which of the following best summarises paragraph 3?

A. Efforts have been made to tackle plastitar.

B. Plastitar pollution is becoming dangerous.

C. Government successfully remove plastitar.

D. Banning of plastitar impacts education.

A. đã có những nỗ lực để giải quyết vấn đề nhựa dẻo.

B. Ô nhiễm nhựa dẻo đang trở nên nguy hiểm.

C. Chính phủ đã loại bỏ nhựa dẻo thành công.

D. Việc cấm nhựa dẻo ảnh hưởng đến giáo dục.

Efforts to tackle plastitar focus on prevention and innovation. Governments and organizations are developing biodegradable materials to replace traditional plastics. Such alternatives can reduce the amount of plastic waste entering oceans. Education campaigns also play a key role, helping people understand the importance of recycling and reducing single-use plastics. Meanwhile, local cleanup initiatives aim to mitigate damage in affected areas.

Nỗ lực giải quyết vấn đề nhựa tập trung vào phòng ngừa và đổi mới. Các chính phủ và tổ chức đang phát triển các vật liệu phân hủy sinh học để thay thế nhựa truyền thống. Các giải pháp thay thế như vậy có thể làm giảm lượng rác thải nhựa đổ ra đại dương. Các chiến dịch giáo dục cũng đóng vai trò quan trọng, giúp mọi người hiểu được tầm quan trọng của việc tái chế và giảm thiểu nhựa dùng một lần. Trong khi đó, các sáng kiến dọn dẹp tại địa phương nhằm mục đích giảm thiểu thiệt hại ở các khu vực bị ảnh hưởng.

Question 36: According to the passage, which of the following is NOT true about the effects of plastitar?

A. Plastitar poisons marine animals with toxic chemicals.

B. Plastitar can be easily removed from rocks and beaches.

C. Plastitar poses risks to human health through the food chain.

D. Plastitar can spread to other coastal areas worldwide.

A. Plastitar đầu độc động vật biển bằng các hóa chất độc hại.

B. Plastitar có thể dễ dàng loại bỏ khỏi đá và bãi biển.

C. Plastitar gây ra rủi ro cho sức khỏe con người thông qua chuỗi thức ăn.

D. Plastitar có thể lan sang các vùng ven biển khác trên toàn thế giới.

B. Plastitar can be easily removed from rocks and beaches.

Giải thích: *Unlike typical waste, plastitar forms a tough layer that resists removal, making it a persistent environmental threat.*

Đoạn 1 giải thích rằng plastitar là một mối nguy hiểm môi trường vì nó khó bị loại bỏ do tạo thành một lớp cứng, khó gỡ ra khỏi đá và bãi biển, vì vậy plastitar không thể dễ dàng loại bỏ.

Question 37: Which of the following is TRUE according to the passage?

- A. Plastitar only affects the Canary Islands and its residents.
- B. Plastitar harms both marine ecosystems and human health.**
- C. Plastitar is formed naturally without influence from human.
- D. Plastitar has no connection to widespread oil spills in the sea.

- A. Plastitar chỉ ảnh hưởng đến Quần đảo Canary và cư dân của nó.
- B. Plastitar gây hại cho cả hệ sinh thái biển và sức khỏe con người.
- C. Plastitar được hình thành tự nhiên mà không có tác động của con người.
- D. Plastitar không liên quan đến sự cố tràn dầu trên diện rộng ở biển.

Phân tích:

- Plastitar gây hại đến sinh thái biển và sức khỏe con người qua chuỗi thức ăn.

Dẫn chứng: "The tar contains toxic chemicals that can poison organisms, while the microplastics can be mistakenly consumed by marine animals... poses risks to human health through the food chain."

Question 38: Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 4?

- A. Minor lifestyle adjustments can contribute to solving global pollution issues.**
- B. Governments must enforce many strict policies to reduce plastic production.
- C. The development of modern technology will completely eliminate plastitar.
- D. Individual and organizational efforts have little impact on addressing plastitar.

- A. Những thay đổi nhỏ trong lối sống có thể góp phần giải quyết các vấn đề ô nhiễm toàn cầu.
- B. Các chính phủ phải thực thi nhiều chính sách nghiêm ngặt để giảm sản xuất nhựa.
- C. Sự phát triển của công nghệ hiện đại sẽ loại bỏ hoàn toàn nhựa plastic.
- D. Những nỗ lực của cá nhân và tổ chức có ít tác động đến việc giải quyết vấn đề nhựa plastic.

Simple changes, such as supporting eco-friendly products and reducing plastic use, can make a significant difference in protecting marine ecosystems and ensuring a healthier future.

(Những thay đổi đơn giản, chẳng hạn như ủng hộ các sản phẩm thân thiện với môi trường và giảm sử dụng nhựa, có thể tạo ra sự khác biệt đáng kể trong việc bảo vệ hệ sinh thái biển và đảm bảo một tương lai khỏe mạnh hơn.)

Question 39: Which of the following can be inferred from the passage?

- A. Plastitar pollution is a localized problem with minimal global impact.
- B. Plastitar's composition makes it challenging to clean and manage.**
- C. The Canary Islands have completely banned the use of all plastics.
- D. Plastitar results from the natural decomposition of marine waste.

- A. Ô nhiễm Plastitar là vấn đề cục bộ với tác động toàn cầu tối thiểu.
- B. Thành phần của Plastitar khiến việc vệ sinh và quản lý trở nên khó khăn.
- C. Quần đảo Canary đã cấm hoàn toàn việc sử dụng tất cả các loại nhựa.
- D. Plastitar là kết quả của quá trình phân hủy tự nhiên của chất thải biển.

Phân tích:

- Thành phần của plastitar, gồm tar và vi nhựa, tạo thành lớp cứng, khó loại bỏ.

Dẫn chứng: "Unlike typical waste, plastitar forms a tough layer that resists removal..."

Question 40: Which of the following best summarises the passage?

- A. Plastitar represents a growing environmental challenge requiring global action.**
- B. Plastitar is a harmless substance that occurs naturally in Western coastal areas.
- C. Plastitar proves that oil spills have minimal effects on the marine ecosystem.
- D. Plastitar demonstrates how recycling alone can resolve many pollution issues.

- A. Plastitar đại diện cho một thách thức môi trường ngày càng gia tăng đòi hỏi hành động toàn cầu.
B. Plastitar là một chất vô hại có trong tự nhiên ở các vùng ven biển phía Tây.
C. Plastitar chứng minh rằng sự cố tràn dầu có tác động tối thiểu đến hệ sinh thái biển.
D. Plastitar chứng minh rằng chỉ riêng việc tái chế có thể giải quyết được nhiều vấn đề ô nhiễm.

→ Bài viết chủ yếu tập trung vào vấn đề plastitar là thách thức môi trường toàn cầu, cần sự hợp tác và hành động quốc tế.

----- THE END -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

- Giám thị không giải thích gì thêm.